Tiết 1,2 **KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM**

**TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX.**

**I/ Mục tiêu bài hoc**: Giúp HS

***1. Kiến thức :***

-Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

-Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học 45-75,75 đến hết XX. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

-Lấy được những dẫn chứng để chứng minh.

- Vận dụng hiểu biết về hoàn cảnh lịch sử xã hội ra để lí giải nội dung,nghệ thuật của tác phẩm văn học.

***2. Kĩ năng :***

-Biết làm: bài đọc hiểu về văn học sử

- Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về văn học sử

***3.Thái độ :***

- Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

- Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn học sử

- Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc

***4.Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX so với các giai đoạn khác.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**II.Chuẩn bị**

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**III.** **Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn học văn học hiện đại Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:   1. Ai là tác giả của bài thơ Đồng chí:   a/ Xuân Diệu  b/ Tố Hữu  c/ Chính Hữu  d/ Phạm Tiến Duật  2/ Nguyễn Duy là tác giả của bài thơ nào sau đây:  a/ Mùa xuân nho nhỏ  b/ Ánh trăng  c/ Đoàn thuyền đánh cá  d/ Viếng Lăng Bác  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học một số nhà thơ, nhà văn tiêu biểu trong văn học Việt Nam qua các thời kì kháng chiến chống Pháp ( như Chính Hữu), chống Mĩ và sau 1975 ( như bài Ánh trăng của Nguyễn Duy). Như vậy, văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX có gì nổi bật? | HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  HS suy nghĩ và trả lời chính xác câu hỏi**:**  **trả lời: 1c;2b** | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (40 ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Họat động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Nhiệm vụ1:*** ***Hướng dẫn HS tìm hiểu Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975 (40 phút)..***  - Yêu cầu HS đọc kĩ câu hỏi 1,2,3 SGK, dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà , trao đổi nhóm, hình thành ý chính theo yêu cầu của từng câu hỏi của nhóm được phân công  Nhóm 1: *VHVN 1945 – 1975 tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 phát triển qua mấy chặng?*  Nhóm 2:*Nêu chủ đề và thành tựu chủ yếu của từng chặng?*  Nhóm 3 : *Từ HCLS đó, VH có những đặc điểm cơ bản nào?Nêu và giải thích, chứng minh những đặc điểm thứ nhất và thứ hai của văn học giai đoạn này?*  Nhóm 4:  *Thế nào là khuynh hướng sử thi? Điều này thể hiện như thế nào trong VH?*  *VH mang cảm hứng lãng mạn là VH như thế nào? Hãy giải thích phân tích đặc điểm này của VH 45-75 trên cơ sở hoàn cảnh XH?*  -GVnêu thêm câu hỏi phụ gợi mở thuyết giảng thêm nếu cần thiết và chốt lại những ý chính.  -Dựa vào SGK hướng dẫn HS nắm một số nét chính về VH vùng địch tạm chiếm  (Phần này GV thuyết giảng sơ lược và yêu cầu HS nắm ý trong SGK)  Ví dụ: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước . Mà lòng phới phới dậy tương lai”( T, Hữu); “ Xuân ơi xuân em mới đến dăm năm. Mà cuộc sống đã tưng bừng ngày hội”  “Muốn trùm hạnh phúc dưới trời xanh.Có lẽ lòng tôi cũng hoá thành  ngói mới”  ( Xuân Diệu)  Hướng vận động trong tư tưởng, cảm xúc của tác giả , trong số phận nhân vật thường đi từ “Thung lũng đau thương ra cánh đồng vui”, từ bóng tối ra ánh sáng. từ đau khổ đến hạnh phúc  **GV:** Nói thêm:  Họ ra trận, đi vào mưa bom bão đạn mà vui như trẩy hội:  *“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước,*  *Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*  (Tố Hữu).  “*Những buổi vui sao cả nước lên đường*  *Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục”*  (Chính Hữu).  *“Đường ra trận mùa này đẹp lắm,*  *Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”*  (Phạm Tiến Duật).  ***Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn tìm hiểu Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX***  - Giao nhiệm vụ  *-Theo em hoàn cảnh LS của đất nước giai đoạn này có gì khác trước? Hoàn cảnh đó đã chi phối đến quá trình phát triển của VH như thế nào?*  *-Những chuyển biến của văn học diễn ra cụ thể ra sao?*  *-Ý thức về quan niệm nghệ thuật được biểu hiện như thế nào?*  *-Theo em vì sao VH phải đổi mới? Thành tựu chủ yếu của quá trình đổi mới là gì? ( Câu hỏi 4 SGK)*  *-Trong quan niệm về con người trong VH sau 1975 có gì khác trước?*  *Hãy chứng minh qua một số tác phẩm mà em đã đọc?*  **-** GV cho các HS còn lại nhận xét, sau đó bổ sung và chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS đọc nội dung SGK ,thảo luận theo  4 nhóm :  -Gọi HS đại diện trình bày  Các nhóm còn lại đối chiếu nội dung và tham gia thảo luận bổ sung.  HS trình bày ngắn gọn , chọn dẫn chứng tiêu biểu minh hoạ  D/C SGK  HS dựa vào SGK trả lời.  Tập thể lớp nhận xét bổ sung  HS theo dõi SGK trình bày gọn những ý chính.  Nêu D/C  HS thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi SGK trình bày gọn những ý chính  HS làm việc cá nhân và trả lời | **I/ Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám**  **1945- 1975:**  **1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá**:  - Văn học vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng  - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dào suốt 30 năm.  - Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài bị hạn chế, nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển .  **2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu**:  a. Chặng đường từ năm 1945-1954:  - VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta  - Thành tựu tiêu biểu: Truyện ngắn và kí. Từ 1950 trở đi xuất hiện một số truyện, kí khá dày dặn.( D/C SGK).  b. Chặng đường từ 1955-1964:  - Văn xuôi mở rộng đề tài.  - Thơ ca phát triển mạnh mẽ.  - Kịch nói cũng có một số thành tựu đáng kể.  c. Chặng đường từ 1965-1975:  - Chủ đề bao trùm là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  - Văn xuôi tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ thành công hình ảnh con người Vn anh dũng, kiên cường, bất khuất.( Tiêu biểu là thể loại Truyện-kí cả ở miền Bắc và miền Nam).  - Thơ đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, thực sự là một bước tiến mới của thơ ca VN hiện đại  - Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.  d. Văn học vùng địch tạm chiếm:  - Xu hướng phản động ( Chống cộng, đồi truỵ bạo lực...)  - Xu hướng VH yêu nước và cách mạng :  + Nội dung phủ định chế độ bất công tàn bạo, lên án bọn cướp nước, bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc...  + Hình thức thể loại gọn nhẹ: Truyện ngắn, thơ, phóng sự, bút kí  - Ngoài ra còn có một sáng tác có nội dung lành mạnh, có giá trị nghệ thuật cao. Nội dung viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp con người lao động...  **3. Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945-1975**:  ***a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.***  - Văn học được xem là một vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.  - Văn học tập trung vào 2 đề tài lớn đó là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội ( thường gắn bó, hoà quyện trong mỗi tác phẩm)=> Tạo nên diện mạo riêng cho nền Vh giai đoạn này.  ***b. Một nền văn học hướng về đại chúng.***  - Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và phục vụ vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.  - Nội dung, hình thức hướng về đối tượng quần chúng nhân dân cách mạng.  c***. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn***  ***- Khuynh hướng sử thi thể hiện ở những phương diện sau:***  + **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.  **+ Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.  **+ Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.  **+ Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại.  ***- Cảm hứng lãng mạn:*** Là cảm hứng khẳng định cái Tôi đầy tình cảm cảm xúc và hướng tớ lí tưởng: tập trung miêu tả và khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới, con người mới.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và hướng tới tương lai tươi sáng của dân tộc.  **II/ VH VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX**  **1/ Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá VN từ sau 1975:**  - Đại thắng mùa xuân năm 1975 mở ra một thời kì mới-thời kì độc lập tự do thống nhất đất đất nước-mở ra vận hội mới cho đất nước  - Từ năm 1975-1985 đất nước trải qua những khó khăn thử thách sau chiến tranh.  - Từ 1986 Đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, nền kinh tế từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá có điều kiện tiếp xúc với nhiều nước trên thế giới, văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ...  **2/Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học sau 1975 đến hết thế kỉ XX:**  - Từ sau 1975, thơ chưa tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như các giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có một số tác phẩm ít nhiều gây chú ý cho người đọc ( Trong đó có cả nhưng cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ và những cây bút thuộc thế hệ nhà thơ sau 1975).  - Từ sau 1975 văn xuôi có nhiều thành tựu hơn so với thơ ca. Nhất là từ đầu những năm 80. Xu thế đổi mới trong cách viết cách tiếp cận hiện thực ngày càng rõ nét với nhiều tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma văn Kháng, Nguyễn Khải.  - Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới : Gắn bó với đời sống, cập nhật những vấn đề của đời sống hàng ngày. Các thể loại phóng sự, truyện ngắn, bút kí, hồi kí... đều có những thành tựu tiêu biểu.  - Thể loại kịch từ sau 1975 phát triển mạnh mẽ ( Lưu Quang Vũ, Xuân Trình...)  =>Nhìn chung về văn học sau 1975  *- Văn học đã từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới và vận động theo hướng dân chủ hoá,mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc.*  - Vh cũng phát triển đa dạng hơn về đề tài, phong phú, mới mẻ hơn về bút pháp,cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy .  - Nét mới của VH giai đoạn này là tính hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn đến số phận con người trong những hoàn cảnh phức tạp của đời sống.  - Tuy nhiên VH giai đoạn này cũng có những hạn chế: đó là những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh hoặc nảy sinh khuynh hướng tiêu cực, nói nhiều tới các mặt trái của xã hội.. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |  |  |
| **- GV giao nhiệm vụ: lập bảng so sánh** Đổi mới trong quan niệm về con người trong văn học Việt Nam trước và sau năm 1975?  **-** HS thực hiện nhiệm vụ:  **-**: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **-** GV nhận xét, chốt kiến thức | |  |  | | --- | --- | | ***Trước 1975:*** | ***Sau 1975*** | | - Con người lịch sử.  - Nhấn mạnh ở tính giai cấp.  - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng  - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới  - Được mô tả ở đời sống ý thức | - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (*Mùa lá rụng trong vườn*- Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng*- Lê Lựu, *Tướng về hưu* – Nguyễn Huy Thiệp...)  - Nhấn Mạnh ở tính nhân loại. (*Cha và con và*...- Nguyễn Khải, *Nỗi buồn chiến tranh* – Bảo Ninh...)  - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng...  - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Thanh minh trời trong sáng* của Ma Văn Kháng...) | |  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **HĐ của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ: Đặt câu hỏi  Tr/bày ngắn gọn về khuynh hướng sử thi và c/hứng lãng mạn của nền VHVN 1945 – 1975.  GV nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  Trả lời | **-** Khuynh hướng sử thi:được thể hiện trong vh ở các mặt sau:  + **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.  **+ Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.  **+ Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.  **+ Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại  - Cảm hứng lãng mạn:Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều mất mác, hy sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước, vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN vượt lên mọi thử thách hướng tới chiến thắng. |

**Hoạt động 5: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ: Nêu vấn đề Trong bài *Nhận đường*, Nguyễn Đình Thi viết: “Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta.”  Hãy bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.  GV nhận xét, bổ sung | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thự**c** hiện nhiệm vụ | NĐT đề cập đến mối quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến:  . Một mặt: Văn nghệ phụng sự kháng chiến. Đó là mục đích của nền văn nghệ mới trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh – Nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.  . Mặt khác, chính hiện thực phong phú , sinh động của cách mạng, kháng chiến đã đem đến cho văn nghệ một sức sống mới, khơi nguồn cảm hứng sáng tạo dồi dào cho văn nghệ. |

**IV.Tổng kết và hướng dẫn học bài (2ph)**

1. **Tổng kết:** Ghi nhớ sgk
2. **Hướng dẫn học bài:**

- Các chặng đường phát triển của văn học VN từ 1945- 1975, thành tựu chủ yếu của các thể loại?

- Những đặc điểm cơ bản của VHVN từ 1945-1975? Hãy làm rõ những đặc điểm đó qua các thể loại?

-Chuẩn bị bài “ ***Nghị luận về một tư tưởng đạo lí”***

***V. Rút kinh nghiệm:***

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 3**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I/ Mục tiêu bài học: Giúp Hs**

**1. Kiến thức :**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)

- Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

-Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý có bố cục mạch lạc, logic.

**2. Kĩ năng :**

- Biết làm: nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

-Thông thạo: cấu trúc bài nghị luận xã hội

**3.Thái độ :**

- Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý

- Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày một vấn đề về tư tưởng , đạo lí

-Hình thành nhân cách: nhận thức và hành động đúng đắn

**4.Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;

- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

***II.Chuẩn bị***

*1. Giáo viên:*SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn

**III.** **Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| GV giao nhiệm vụ:  -GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:  1/ Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lí?   1. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: Cái nết đánh chết cái đẹp 2. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu : Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.    c. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu trong bài Vội Vàng?  -GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một tư tưởng, đạo lí nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9? | HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  HS suy nghĩ và trả lời chính xác câu hỏi  HS suy nghĩ chọn câu trả lời đúng: **c** | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (25 ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1:GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề**  -GV chuyển giao nhiệm vụ:  ( HS làm việc theo nhóm- 4 nhóm) :  ? Đọc kĩ đề bài và câu hỏi sgk, trao đổi thảo luận, ghi kết quả vào phiếu học tập (ý khái quát, ngắn gọn) và đại diện nhóm trình bày (3-5 phút)  -GV cho các nhóm nhận xét kết quả của nhau sau đó bổ sung và chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2:GV hướng**  **dẫn HS lập dàn ý**  -Chuyển giao nhiệm vụ ( HS làm việc nhóm. Mỗi nhóm là 1 bàn)  ? HS dựa vào phần tìm hiểu đề để lập dàn ý  -GV nhận xét, chốt kiến thức  Gợi ý: Sống đẹp là sống có lí tưởng mục đích, có tình cảm nhân hậu, lành mạnh, có trí tuệ sáng suốt, hiểu biết rộng, có hành động tích cực=> có ích cho cộng đồng xã hội...; ngược lại là lối sống: ích kỉ, nhỏ nhen, hẹp hòi, vô trách nhiệm, thiếu ý chí nghị lực  -GV nhận xét...   * **Nhiệm vụ 3**   Hướng dẫn HS sơ kết, nêu hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  -chuyển giao nhiệm vụ (**)**  **?** Nghị luận về một tư tưởng đạo lí thường bàn về những vấn đề gì?  GV nhận xét, chốt kiến thức  Bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí thường có những nội dung nào?.  GV nhận xét, chốt kiến thức | HS làm việc theo nhóm 4 : Đọc kĩ đề bài và câu hỏi, trao đổi thảo luận, ghi kết quả vào phiếu học tập (ý khái quát, ngắn gọn) và đại diện nhóm trình bày  -Cần tập trung thảo luận và nêu được thế nào là “sống đẹp”  HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo sản phẩm  đại diện các nhóm trình bày,    -Hs nêu phương pháp làm bài qua phần luyện tập .  HS làm việc cá nhân  HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo sản phẩm | **I .Tìm hiểu đề:**  \* Đề bài: Anh ( chi) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu:  *Ôi ! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?*  + Nội dung nghị luận: Vấn đề “Sống đẹp” trong đời sống của mỗi người. Đây là vấn đề cơ bản mà mỗi người muốn xứng đáng là “con người” cần nhận thức đúng và rèn luyện tích cực.  + Yêu cầu:  - Thao tác lập luận: Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.  - Phạm vi tư liệu: Thực tế đời sống và 1 số dẫn chứng thơ văn.  **II. Lập dàn ý**    A. Mở bài:  - Giới thiệu về cách sống của thanh niên hiện nay.  - Dẫn câu thơ của Tố Hữu.  B. Thân bài:  - Giải thích thế nào là sống đẹp?  - Các biểu hiện của sống đẹp:  *+ lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp.  + *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu.  + *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt.  + *hành động* tích cực, lương thiện…  phê phán lối sống không đẹp...  Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.  C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sống đẹp.: ( Sống đẹp là một chuẩn mực cao nhất trong nhân cách con người. Câu thơ Tố Hữu có tính chất gợi mở, nhắc nhở chung đối với tất cả mọi người nhất là thanh niên  **3. Cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí:**  **a- Đề tài** :nghị luận về tư tưởng đạo lí rất phong phú gồm: nhận thức ( lí tưởng mục đích sống); về tâm hồn, tình cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung; tính trung thực, dũng cảm...); về quan hệ xã hội, gia đình; về cách ứng xử trong cuộc sống...  **2. Nội dung thương có:**  a. Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, trích dẫn (nếu đề đưa ý kiến, nhận định).  b. Thân bài:  \* *Giải thích*, nêu nội dung vấn đề cần bàn luận. Trong trường hợp cần thiết, người viết chú ý giải thích các khái niệm, các vế và rút ra ý khái quát của vấn đề.  Lưu ý: Cần giới thiệu vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng, tránh trình bày chung chung. Khâu này rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng cho toàn bài.  \* *Phân tích* vấn đề trên nhiều khía cạnh, chỉ ra biểu hiện cụ thể.  \* *Chứng minh*: Dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  \* *Bàn bạc* vấn đề trên các phương diện, khía cạnh: đúng- sai, tốt- xấu, tích cực- tiêu cực, đóng góp- hạn chế,…  Lưu ý: Sự bàn bạc cần khách quan, toàn diện, khoa học, cụ thể, chân thực, sáng tạo của người viết.  \* Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong lí luận và thực tiễn đời sống.  c. Kết bài: Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hoạt động về tư tưởng đạo lí (trong gia đình, nhà trường, ngoài xã hội) |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |  |
| GV giao nhiệm vụ: Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau:phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay.  GV nhận xét, chốt kiến thức**-** | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | a. *Yêu cầu nội dung:* Tự học với học sinh hiện nay là rất cần thiết, bài văn cần có bốn ý sau:  1. Giải thích về “học” và “tự học”.  2. Đưa các lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định tự học đối với  học sinh hiện nay là rất cần thiết.  3. Phê phán không tự học, dựa dẫm, ỷ lại,…  4. Rút ra bài học nhận thức và hành động từ việc tìm hiểu  về tự học.  b. *Yêu cầu về thao tác nghị luận:* Thường sử dụng kết hợp  các thao tác sau:  -  Thao tác trình bày luận điểm: Gồm hai thao tác diễn dịch  và qui nạp (nên sử dụng diễn dịch).  -  Thao tác làm rõ luận điểm gồm: Thao tác giải thích để làm  rõnội dung ý kiến hay khái niệm ở đề bài.  Thao tác phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh,  chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề.  Thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề.  Thao tác bình luận để khẳng định vấn đề.  Thao tác bác bỏ để phê phán, phủ nhận khía cạnh sai lệch.   1. *Yêu cầu về phạm vi tư liệu* (dẫn chứng):   Bài nghị luận xã hội chủ yếu lấy dẫn chứng trong  thực tế đời sống. |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **HĐ của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ: Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến  về tác dụng của việc đọc sách.  Gv nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | **LẬP DÀN Ý**  **I/. Mở bài:**    Nêu ý: Có người vào thư viện đọc sách, có người mua sách. Nhận định: Đọc sách có nhiều tác dụng.  **II/. Thân bài:**  1/. Nêu ví dụ từ đó giải thích: “Sách” là kho tàng tri thức, kĩ năng. “Đọc sách” là hoạt động tiếp thu tri thức, kĩ năng.  2/. Nêu các ví dụ và phân tích tác dụng của đọc sách:  -  Mở mang hiểu biết…  -  Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm…  -  Có thêm nhiều kĩ năng…  -  Có tác dụng giải trí…  3/. Phê phán người không quí trọng sách, lười đọc, đọc không lựa chọn, không đúng lúc.  4/. Bài học:  -  Nhận thức tầm quan trọng của đọc sách.  -  Hành động: Đọc sách liên quan đến học tập. Còn cần đọc thêm sách khác. Biết chọn sách, đọc đúng lúc.  **III/. Kết bài:** Đánh giá chung tác dụng của đọc sách, mọi người cần đọc sách. |

**Hoạt động 5: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  1**.** Sưu tầm một số câu châm ngôn thể hiện tư tưởng, đạo lí đúng;  2. Chọn 1 trong những câu châm ngôn đó, phân tích đề và lập dàn ý chi tiết.  GV nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thự**c** hiện nhiệm vụ | **Chọn đúng câu châm ngôn thể hiện tư tưởng đạo lí**  **- Biết** phân tích đề và lập dàn ý chi tiết. |

**IV.Tổng kết và hướng dẫn học bài (2ph)**

1. **Tổng kết:** Ghi nhớ sgk
2. **Hướng dẫn học bài:**

- Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí ( Tìm hiểu đề, lập dàn ý, diễn đạt, vận dụng các thao tác lập luận để khẳng định hoặc bác bỏ

-Chuẩn bị bài “***Tuyên ngôn độc lập***” (phần I ) của Hồ Chí Minh

***V. Rút kinh nghiệm:***

**Tiết 4** **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

Hồ Chí Minh

**I/ Mục tiêu bài hoc**: Giúp HS

***1.Kiến thức***

-Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

-Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

-Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản liên quan đến tiểu sử HCM

-Viết bài cảm nhận riêng ( như chân dung văn học ) về tác giả

**2. Kĩ năng** :

- Biết làm: bài thuyết minh về tác gia văn học

-Thông thạo: các bước thuyết minh tác gia văn học

**3.Thái độ :**

- Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản về tác gia văn học

- Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia văn học

-Hình thành nhân cách: có tinh thần kính yêu , cảm phục, ngưỡng mộ lãnh tụ

**4.Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Hồ Chí Minh.

**II.Chuẩn bị**

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**III.** **Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| - GV giao nhiệm vụ:  GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS:  Đọc một số câu thơ hoặc bài hát viết về Hồ Chí Minh  - giáo viên đặt câu hỏi: Em biết gì về Hồ Chí Minh?  giới thiệu *Vào bài:* Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay | HS thực hiện nhiệm vụ  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (25 ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Họat động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1 :**  **Hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản về tiểu sử.**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  HS theo dõi SGK trả lời ngắn gọn ( chú ý những điểm mốc lớn). *Những nét chính trong cuộc đời Hồ Chí Minh?*  a. Thời kì từ năm 1911-1941: Hoạt động cách mạng ở nước ngoài: tìm đường cứu nước, thành lập Đảng CSVN, chuẩn bị cho CMT8 năm 1945.  b. Từ năm 1941-1969 lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc CMT8 thắng lợi- khai sinh ra Nước VN Dân chủ Cộng hòa. Lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với tư cách Chủ tịch Nư**ớc VN Dân chủ Cộng hòa.**  GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2:** **Hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm sáng tác nghệ thuật của HCM**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  HS trao đổi nhóm ( 3 nhóm) và trả lời dựa theo mục a,b,c ( SGK)  - GV nhận xét, chốt 3 ý ngắn gọn, nắm kĩ kiến thức  **Nhiệm vụ 3 :**  **Hướng dẫn tìm hiểu sự nghiệp văn học của HCM**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  Hs theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát- chú ý làm rõ tính đa dạng phong phú trong sáng tác của Người.  *- NAQ – HCM thường sáng tác theo những thể loại nào?*  *- Những tác phẩm tiêu biểu?*  *- Mục đích viết văn chính luận để làm gì?*  *- Dựa vào SGK hãy kể tên một số truyện và kí tiêu biểu của HCM?*  *- Tài năng nghệ thuật của HCM đối với thể loại này?*  *- Em hiểu biết gì về tập thơ NKTT cuả HCM? Nêu những nội dung chính của tập thơ?*  *Em có nhận xét gì về thơ HCM trước và sau CMT8?*  **Nhiệm vụ 4:**  **Hướng dẫn HS tổng kết về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Tại sao có thể nói phong cách vh*  *của HCM vừa độc đáo vừa đa dạng?*  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS làm việc cá nhân  HS đã đọc kĩ SGK và đã soạn bài dựa theo câu hỏi của phần Hướng dẫn học bài.  HS báo cáo kết quả:  HS tái hiện kiến thức và trình bày.  HS tóm tắt và tự **ghi nhớ**  HS thực hiện nhiệm vụ  - HS báo cáo nhiệm vụ  -Lớp trao đổi, bổ sung  Hs theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát- (HS làm việc cá nhân)  ( HS làm việc cá nhân)  HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo sản phẩm  HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả | **I/ I**. **Vài nét về tiểu sử:** (SGK)  ***1. Quê hương, gia đình, thời niên thiếu.***  ***2. Quá trình hoạt động CM:***  \* *Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân VN và là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản, là danh nhân văn hóa thế giới.*  **II**. **Quan điểm sáng tác nghệ thuật**  - Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận.  - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Nhà văn cần tránh lối viết cầu kì xa lạ, chú ý phát huy cốt cách dân tộc, ngôn từ phải chọn lọc.  - Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát tù đối tượng ( *Viết cho* *ai?*) và mục đích tiếp nhận ( *Viết để làm gì?* ) để quyết định nội dung ( *Viết cái gì?* ) và hình thức (*Viết thế* *nào?* ) của tác phẩm  **III. Di sản văn học**:  ***1. Văn chính luận*:**  - Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925 ); Tuyên ngôn độc lập (1945);Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ( 1946 )  - Mục đích: đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù , thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử .  - Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị  ***2. Truyện và kí***  - Nội dung : Vạch trần bản chất của bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán bước, ca ngợi những người chiến sĩ CM kiên cường đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc .   * Nghệ thuật : Lối viết cô đọng, cột truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo, mang màu sắc hiện đại nhẹ nhàng trào lộng của văn thông tấn, vừa sâu sắc đầy tính chiến đấu vừa tươi tắn hóm hỉnh   ***3. Thơ ca***   * NHẬT KÍ TRONG TÙ   - Hoàn cảnh sáng tác:  - Nội dung :   * THƠ HỒ CHÍ MINH   -Trước CM tháng 8 :  -Sau CM tháng 8 :  => *Vừa mang màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại , hình ảnh nhân vật trữ tình yêu nước , phong thái ung dung tự* *tại.*  **IV. Phong cách nghệ thuật:**  Sáng tác nhiều thể loại Văn học, mỗi thể loại có những nét phong cách riêng độc đáo và hấp dẫn   * Văn chính luận :   Ngắn gọn , tư duy sắc sảo , lập luận chặt chẽ , lý lẽ đanh thép , bằng chứng đầy sức thuyết phục , giàu tính luận chiến , đa dạng về bút pháp .  - Truyện và ký :Trí tưởng tượng phong phú , sáng tạo độc đáo về tình huống truyện, sự kết hợp hài hòa văn hóa phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật trào phúng, giọng điệu lời văn linh hoạt hấp dẫn . Chất trí tuệ và tính hiện đại là nét đặc sắc trong truyện ngắn của Người .  - Thơ ca: Phong cách thơ đa dạng  Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM : Giản dị , mộc mạc, mang màu sắc dân gian vừa hiện đại. Nhiều bài thơ nghệ thuật : Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |  |
| GV giao nhiệm vụ: Bài tập 1: Đọc bài thơ *Chiều tối.* Phân tích:  - Bút pháp cổ điển  - Tinh thần hiện đại  GV nhận xét, chốt kiến thức  Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau:phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay.  GV nhận xét, chốt kiến thức**-** | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | - Bút pháp cổ điển được thể hiện qua cách miêu tả  khung cảnhthiên nhiên, được miêu tả từ xa, được  khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua hình : cánh chim,  chòm mây, không gian chiều tà, không nhằm ghi lại hình  xác mà chỉ cốt truyền đượclinh hồn của tạo vật.  Màu sắc cổ điển còn được thể ở phong thái ung dung  của nhân vật trữ tình; ở thể thơ tứ tuyệt.  - Tinh thần hiện đại: thiên nhiên trong bài thơ không  tĩnh lặng mà vận động một cách khoẻ khoắn,hướng  tới sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trữ tình  không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ. |  |

**Hoạt động 4: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  Giáo viên chia các nhóm và giao bài tập về nhà theo các câu hỏi sau:  1.*Thu thập tư liệu từ báo chí, phỏng vấn người thân, trải nghiệm thực tế… để viết bài thuyết minh về Hồ Chí Minh*  *2.Viết cảm nhận về ca từ một bài hát ca ngợi HCM*  *3.Viết bài văn ngắn để làm sáng tỏ câu nói của HCM: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.*  GV nhạn xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thự**c** hiện nhiệm vụ: | * Hoàn thành bài * thuyết trình * Từ một bài hát ca ngợi HCM, viết một bài văn ngắn cảm nhận về ca từ trong bài hát đó   - Phân tích đề, lập dàn ý về một tư tưởng đạo lí |

**IV.Tổng kết và hướng dẫn học bài (2ph)**

1. **Tổng kết:** Ghi nhớ sgk
2. **Hướng dẫn học bài:**
3. Tóm tắt những nét cơ bản về quan điểm sáng tác ,sự nghiệp vh của HCM?

Quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của HCM, chú ý vận dụng những kiến thức đã học vào việc phân tích những tác phẩm văn học của Người.

-Soạn bài “***Tuyên ngôn độc lập phần văn bản”***

***V. Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. ……………………………………………………………………………………

**Tiết 5,6**

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (tt)**

**Hồ Chí Minh**

**I.Mục tiêu bài học:Giúp Hs :**

1. Kiến thức:

-Nêu nguyên lí chung

-P2: Vạch trần tội ác của TD Pháp

- P3:Tuyên bố về quyền tự do độc laapjvaf quyết tâm giữ vững quyền độc lập, tự do cuar

t oàn thể dân tộc.

**2. Kĩ năng :**

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về văn nghị luận

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một văn bản nghị luận

**3.Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về văn nghị luận

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc, học tập và làm theo tấm gương đâo đức HCM.

4**. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

***II. Chuẩn bị***

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**III. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **GV nêu câu hỏi sau**:  Những văn bản nào sau đây thuộc văn nghị luận mà em đã được học ở Ngữ văn 10 và 11:  a/ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia ( Thân nhân Trung)  b/ Tựa Trích diễm thi tập ( Hoàng Đức Lương)  c/Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)  d/Tôi yêu em ( Puskin)  **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** Bên cạnh những tác phẩm văn học nghệ thuật, trong chương trình ngữ văn chúng ta còn được tiếp xúc không ít những văn bản nghị luận được các tác giả trình bày bằng hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, luận cứ xác thực, mang tính truyền cảm và tính chiến đấu cao. Một trong những áng văn nghị luận giàu giá trị tư tưởng và nghệt huật là *Tuyên ngôn Độc lập*  của HCM | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - Có thái độ tích cực, hứng thú.  - Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức 25( ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **H Đ của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác phẩm**  **Gv giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS theo dõi phần tiểu dẫn (SGK) , trả lời ngắn gọn: *TNĐL ra đời trong hoàn cảnh nào? Tác giả viết nhằm mục đích gì? Tác phẩm hướng đến đối tượng nào? Giá trị tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật của tác phẩm*?  **GV nhận xét, chốt kiến thức và bổ sung**  Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca:  *Hôm nay sáng mùng hai tháng chín*  *Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình*  *Muôn triệu tim chờ chim cũng nín*  *Bỗng vang lên tiếng hát ân tình*(Tố Hữu)  **Nhiệm vu 2:Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản**  - Gọi HS đọc văn bản chú ý hệ thống luận điểm- xác định bố cục văn bản và phân tích tính logich chặt chẽ của văn bản qua 3 luận điểm.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu phần nguyên lí chung của bản tuyên ngôn**  -Tổ chức cho Hs thảo luận theo nhóm  **Nhóm 1:** *Nguyên lí căn bản của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?*  **Nhóm 2:** *- Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?- Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?*  **Nhóm 3:** *- Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?*  **Nhóm 4:** - *Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?*  - **Theo dõi kết quả, nhận xét bổ sung và chốt lại kiến thức**.  - **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tội ác của thực dân pháp**  GV chuyển giao nhiệm vụ  *- Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?*  .GV nhận xét, chốt kiến thức  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** *- Khi Pháp có luận điệu về công “khai hóa” nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua?- Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?*  **Nhóm 2:** - Khi Pháp kể công *“bảo hộ”,* bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?  *- Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?*  *- Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?*  **Nhóm 3:** - Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? *Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?*  **GV nhận xét và chốt kiến thức**  **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố độc lập**  GV chuyển giao nhiệm vụ  *Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?*  *Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?*  *Nhận xét về giọng văn?*  🡪 Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.  GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức  Nhiệm vụ 3:**GV hướng dẫn HS tổng kết tác phẩm**  GV chuyển giao nhiệm vụ  *- Giá trị cơ bản của bản tuyên ngôn* *- Em hãy nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?*  *- Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?*  *- Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn?*  *- Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?*  -*Nêu ý nghĩa của bản tuyên ngôn?*  Gv nhận xét, chốt kiến thức | *-HS trao đổi nhóm, ghi kết quả trên giấy.*  *-Đại diện các nhóm trình bày kết quả .*  *- Ghi ý chính vào vở sau khi GV nhận xét củng cố.*  *Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ:*  *- Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau là Mĩ đang lăm le*  *- Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào*  *- Pháp: dã tâm xâm lược VN lần thứ 2.*  *-HS đọc văn bản: Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép, phẫn nộ, đau xót, tự hào, trang trọng, hùng hồn...phù hợp với từng đoạn*  *HS thực hiện nhiệm vụ học tập*  *HS báo cáo kết quả*  *-HS thảo luận theo nhóm , đại diện nhóm trả lời*  *- Lớp trao đổi, thống nhất nội dung. Chú ý nhấn mạnh ý nghĩa của luận điểm mở đầu bản TN*  *HS làm việc cá nhân*  *Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại*  *-HS thảo luận nhóm, - Đại diện nhóm trình bày kết quả.*  *- Tập thể trao đổi bổ sung...*  *-HS thảo luận nhóm trả lời*  HS làm việc cá nhân  HS đọc dẫn chứng và phát biểu.  HS làm việc cá nhân | **I/ Tìm hiểu chung**:  a. Hoàn cảnh ra đời:sgk  b- Đối tượng : Nhân dân ta và thế giới đặc biệt là Anh , Pháp, Mĩ.  c Mục đích :  Tuyên bố nền độc lập của nước ta.  KhẲNG định lòng quyết tâm bảo vệ, giữ vừng nền đọc lập của dân tộc VN  Tranh luận nhằm bác bỏ luận điệu xảo trá của Thực dân Pháp.  d. Bố cục : 3 đoạn ( 3 luận điểm)  - Đoạn 1: ( Từ đầu đến *không ai chối cãi được*) Nêu nguyên lí chung của bản TNĐL.  - Đoạn 2: (Tiếp theo đến *..lập nên nước VNDCCH*): Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đã kiên trì đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước VN Dân Chủ Cộng hoà.  - Đoạn 3: (Còn lại ) Lời tuyên ngôn và tuyên bố về ý chí bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc VN.  **II/ Đọc- hiểu** :  1**.Nguyên lí chung làm cơ sở pháp lí cho bản TNĐL:**  - Nguyên lí căn bản: Quyền bình đẳng dân tộc trên thế giới.  - Cách lập luận:  .Trích dẫn nguyên văn lời của 2 bản TN ( Bản TNĐL của Mĩ 1776 và bản TN Nhân quyền và Dân quyền của CM Pháp 1791.Dùng hình thức “gậy ông đập lưng ông” , dùng lý lẽ của chúng để bác bỏ luận điệu của chúng  . Từ quyền tự do bình đẳng của con người 🡪 “Suy rộng ra..” Quyền bình đẳng dân tộc!-> Đóng góp của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại. Vừa đề cao những giá trị hiển nhiên của tư tưởng nhân đạo và văn minh của nhân loại , vừa tạo tiền đề cho lập luận sẽ nêu ở phần sau.( vừa khéo léo vừa kiên quyết)  **2.Chứng minh nguyên lí- cơ sở thực tế của bản TNĐL:** **Tố cáo tội ác của thực dân Pháp**  - Câu mở đầu đoạn 2:  “*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”*  *🡪Liên kết đoạn*  *🡪 Pháp đã chà đạp lên chính chân lĩ là tổ tiên chúng đã để lại*  *-V*ạch trần cái gọi là “Văn minh, khai hoá, bảo hộ”của CQ thực dân  +Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:  . Về chính trị:  . Về kinh tế:  . Quân sự , văn hoá  🡪 Biệp pháp nghệ thuật:  Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép 🡪 nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.  - Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:  Pháp là những kẻ phi nghĩa và vô nhân đạo. chúng gây ra thảm họa chết đói cho hơn 2 triệu đồng bào  - Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:  + Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.  + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *“nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở* [*Yên Bái*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) *và* [*Cao Bằng*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng)*.”*  +Bác khẳng định sự thật: Nhân dân ta lấy lại nưốc ta từ tay Nhật “  🡪 -Lập luận sắc sảo , dẫn chứng cụ thể xác thực: Từ thực tế và lịch sử “*Về chính trị...Về kinh tế...”*  \*PP biện luận chặt chẽ ,lơgích,từ ngữ sắc sảo. Cấu trúc đặc biệt, nhịp điệu dồn dập, điệp ngữ"sự thật "như chân lí không chối cãi được. Câu văn biền ngẫu.  - Lời văn tố cáo vừa ngắn gọn, hùng hồn, đanh thép,vừa chứa chất tình cảm yêu nước, thương dân nồng nàn.  **3.Tuyên bố độc lập**:  Tuyên bố:“*Thoát li hẳn quan hệ với TD Pháp.”*kêu gọi toàn dân đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân pháp.Kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập ,tự do của VN và khẳng định quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.  🡪 Những từ ngữ trang trọng: *“trịnh trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành”* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.  **III. Tổng kết:**  1*.* **Nghệ thuật**:  -Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.  -Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm.  -Giọng văn linh hoạt.  **2.Ý nghĩa**:-TNĐL là văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền ĐLTD của dân tộc VN và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền ĐLTD ấy.  -Kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng ĐLTD.  - Là áng văn chính luận mẫu mực. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Lí giải vì sao bản *Tuyên ngôn Độc lập* từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?  -GV nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ:  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nước thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:  - Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trườngquyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng.  - Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta.  - Về bằng chứng:Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.  - Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên “Hỡi đồng bào cả nước!”; nhiều từ ngữ xưng hô gần gũi thân thiết “đất nước ta”, “nhân dân ta”, “nước nhà của ta”, “Những người yêu nước thương nòi của ta”... |

**Hoạt động 5: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1. So sánh điểm giống nhau và khác nhau về phần tuyên bố độc lập chủ quyền dân tộc giữa bài thơ *Nam quốc sơn hà ( Lý Thường Kiệt), Bình Ngô Đại cáo ( Nguyễn Trãi) và TNĐL ( HCM);*  2. Sưu tầm đoạn Video clip HCM đọc TNĐL, viết bài văn ngắn trình bày cảm nghĩ cá nhân sau khi xem đọc video clip đó.  - **GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **.** - Sử dụng thao tác lập luận so sánh để trình bày  - Cảm nghĩ cần chân thành, xúc động. |

**IV.Hướng dẫn học bài (2ph)**

- Mục đích và đối tượng , nội dung của bản “Tuyên ngôn độc lập”.

- Chuẩn bị tiết sau: bài học Tiếng Việt ***Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt***

***V. Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. ………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 7**  **GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**I-Mục tiêu cần đạt**: Giúp HS

**1. Kiến thức :**

- Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt là một trong những phẩm chất của tiếng Việt, là kết quả phấn đấu lâu dài của ông cha ta.Phẩm chất đó được biểu hiện ở nhiều phương diện khác nhau.

- Có ý thức giữ gìn và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt, quý trọng di sản của cha ông; có thói quen rèn luyện các kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng; đồng thời biết phê phán và khắc phục những hiện tượng làm vẩn đục tiếng Việt

**2. Kĩ năng :**

a/ Biết làm: bài đọc hiểu về tiếng Việt

b/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt , giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;

3.**Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: sử dụng tiếng Việt một cách trong sáng

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp

c/Hình thành nhân cách: có tình yêu tiếng Việt

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong giao tiếp tiếng Việt

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản liên quan đền nội dung giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân trong giao tiếp

tiếng Việt

***II. Chuẩn bị***

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**III. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động củaHS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| GV giao nhiệm vụ:  GVđưa ra các ví dụ sau để học sinh xác địng cách dùng từ trong câu nào đúng/sai?  1/Tổng thống và *phu nhân*.  2/Chị là *phu nhân* chiều chồng, chăm con.  3/Báo *Thiếu niên nhi đồng*.  4/*Thiếu niên nhi đồng* lang thang cơ nhỡ.  5/Tổng thống và *vợ*.  6/Chị là *một người vợ* chiều chồng, chăm con.  7/Báo *Trẻ em*.  8/Trẻ em lang thang cơ nhỡ.  GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay. | : HS thực hiện nhiệm vụ:  -B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  trả lời: dùng từ đúngcâu 1-3-6-8 | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức 40( ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Tiết 1:  **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết.**  - **GV giao nhiệm vụ**: Cho HS đọc 3 ví dụ trong SGK, hoặc nêu một số ví dụ khác Chỉ ra chỗ đúng, chỗ sai và rút ra nhận xét ?Vậy sự trong sáng của Tiếng việt thể hiện như thế nào?  -Em suy nghĩ như thế nào về việc sử dụng các yếu tố ngôn ngữ nước ngoài khá phổ biến ở một số người hiện nay ? Nêu 1 vài ví dụ cụ thể  - Có thể yêu cầu HS nêu những ví dụ về sử dụng TV không trong sáng  **GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Nhiệm vụ 2:HD hs tìm hiểu trách nhiệm của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt**  **GV giao nhiệm vụ**  *- Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?*  *- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?*  - *Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?*  **GV nhận xét, chốt kiến thức**  **Tiết 2**  **Nhiệm vụ1: Hướng dẫn HS luyện tập**  GV hướng dẫn HS đọc và giải các bài tập trong SGK  GV hướng dẫn HS tìm các phương án thích hợp để đảm bảo tính trong sáng cho đoạn văn  GV giúp HS thay thế các từ ngữ lạm dụng  GV hướng dẫn HS chọn và phân tích câu văn | Hs thực hiện nhiệm vụ  HS đọc ví dụ và thảo luận , đại diện nhóm trả lời .  - Lớp trao đổi , nhận xét, rút ra lí thuyết  -HS trình bày suy nghĩ qua 1 số d/c cụ thể ( Giải thích nên hay không nên sử dụng các yếu tố nước ngoài, vì sao?)  -Có vay mượn  -Không lạm dụng  ( HS làm việc cá nhân)  Học sinh nói lên ý kiến của mình  HS tự giải các bài tập và lên bảng trình bày  HS tự tìm và trình bày phương án mà mình chọn  HS thực hành và trình bày bài tập trên bảng | **I-Sự trong sáng của tiếng Việt:**  \* Qua hệ thống các chuẩn mực và qui tắc chung, ở sự tuân thủ các chuẩn mực và qui tắc đó ( qua các lĩnh vực ngữ âm, chữ viết ,từ ngữ, câu, lời nói, bài văn)  \* Qua thực tiễn sử dụng:  - Những cách sử dụng sáng tạo, hồn nhiên giàu âm điệu, hình ảnh, giàu tình cảm.  - Việc tiếp thu những yếu tố ngôn ngữ nước ngoài một cách chọn lọc phù hợp.không lai căng pha tạp.  \* Ở tính văn hóa, lịch sự của lời nói.  **II- Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:**  Muốn giữ gìn sự trong sáng khi sử dụng tiếng Việt mỗi cá nhân phải:  - Có tình cảm yêu mến và ý thức quí trọng tiếng Việt  - Có những hiểu biết về chuẩn mực và qui tắc của tiếng Việt ở các phương diện: phát âm, chữ viết, dùng từ , đặt câu, tạo lập văn bản, giao tiếp. Thường xuyên rèn luyện kĩ năng sử dụng TV  - Có ý thức bảo vệ TV, không lạm dụng tiếng nước ngoài khi nói và viết.  - Có ý thức về sự phát triển của TV làm cho TV ngày càng giàu và đẹp. Có những cách sử sụng mới ,sáng tạo riêng ( VD: Bệnh viện máy tính, Ngân hàng đề thi..)  **III**. ***Luyện tập***  + Bài tập 1(tr 33):Hai nhà văn sử dụng từ ngữ nói về các nhân vật:  -Kim Trọng: *rất mực chung tình*  -Thúy Vân: *cô em gái ngoan*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  Có tính chuẩn xác trong cách dùng từ ngữ  + Bài tập 2(tr 34):  Đoạn văn đã bị lược bỏ một số dấu câu nên lời văn không gãy gọn, ý không được sáng sủa, Có thể khôi phục lại những dấu câu vaò các vị trí thích hợp sau:  *Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông.Dòng sông vừa trôi chảy,vừa phải tiếp nhận- dọc đường đi của mình- những dòng sông khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy- một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại.*  + Bài tập 3(tr34)  - Thay *file* thành từ *Tệp tin*  - Từ *hacker* chuyển thành *kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính*  + Bài tập 1(tr 44)  - Câu a : không trong sáng do lẫn lộn giữa trạng ngữ với chủ ngữ của động từ  - Câu b,c,d: là những câu trong sáng: thể hiện rõ các thành phần ngữ pháp và các quan hệ ý nghĩa trong câu |

**Hoạt động 3: Vận dụng**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các bài tập sau tại lớp:  Chỉ ra chỗ sai và cách sửa trong việc dùng từ ở các câu văn sau:  *-Xoá đói giảm nghèo là nhiêm vụ bức tử của huyện ta!.*  *- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới quá độ đến nhà em!*  *- Hắn vốn có một thân nhân tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí*  Gv nhận xét, chốt kiễn thức | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | Xoá đói giảm nghèo là nhiêm  vụ ***bức thiết*** của huyện ta!.  - Gớm, lâu quá, hôm nay  bác mới ***quá bộ*** đến nhà em!  - Hắn vốn có một ***nhân thân***  tốt, thế mà không hiểu tại sao  lại bị vướng vào vòng lao lí |

**Hoạt động 4: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *1.Viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về văn hoá ứng xử trong giao thông.*  2.*Từ thực tế, từ những câu chuyện, những tình huống thật xảy ra trong cuộc sống em hãy chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân.*  Gv nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ:  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Trước khi viết bài, HS phải lập dàn ý có đầu đủ mở-thân-kết  - Vấn đề cần nghị luận: *văn hoá ứng xử trong giao thông.*  -chỉ ra các trường hợp không sử dụng đúng chuẩn mực của TV ...và nêu cách sửa chữa của bản thân. |

**IV.Hướng dẫn học bài (2ph)**

- Các phương diện cơ bản về sự trong sáng của tiếng Việt

- Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Soạn bài : Nghị luận về một hiện tượng đời sống

***V. Rút kinh nghiệm:***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 8**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I/ Mục tiêu bài học** : Giúp HS:

**1.KT**: - Nội dung, yêu cầu của dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Cách thức triển khai bài nghị luận.

**2.KN**: - Nhận diện được htđs được nêu ra trong một số văn bản nghị luận.

- Huy đọng kiến thức và những trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về htđs. - Ra quyết định: xá định các hiện tượng và tìm cách tiếp cận, phân tích, bày tỏ chính kiến...

- Tự nhận thức về htđs từ những mặt tốt, xấu,đúng, sai.. Thái độ tiếp thu những quan niệm đúng, phê phán những quan niệm sai lầm.

**3.TĐ**: Có nhận thức, tư tưởng, thái độ và hành động đúng trước những hiện tượng đời sống hằng ngày.

**4.Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;

- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**II/ Chuẩn bị :**

- GV: SGK, SGV, Thiết kế bài học, tài liệu tham khảo.

- HS: Chuẩn bị bài trước ở nhà.

**III. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| GV giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ: Dễ bị hỏng mắt, mắc bệnh tâm thần… vì nghiện chơi Pokemon Go **(Nguồn: http://khampha.vn/tin-nhanh)**  Thông tin trên nêu ra hiện tượng gì?  **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một hiện tượng đời sống nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9? | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - Có thái độ tích cực, hứng thú  - Định hướng vào bài học. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (25 ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **H Đ của GV** | **H Đ của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề  . GV chuyển giao nhiệm vụ)  Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì?  GV cho HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2 : Nên chọn những dẫn chứng nào?  Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?  HS đọc tư liệu tham khảo*“Chia chiếc bánh của mình cho ai?”* (SGK)  **Nhiệm vụ 2:** GV hướng dẫn hs lập dàn ý  Gv chuyển giao nhiệm vụ  **Nhóm 1:** *Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?*  **Nhóm 2:** *Phần thân bài có những ý chính nào? Tại sao?*  **Nhóm 3:** *Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?*  **Nhóm 4:** *Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?*  *Những hiện tượng nào cần phê phán*  GV nhận xét, chốt kiến thức | ( HS làm việc cá nhân  HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo sản phẩm kiến thức  Thảo luận nhóm lớn ,trình bày dàn ý theo ba phần. | **I. Tìm hiểu đề**  - Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến đối với việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân- vì tình thương “*dành hết chiếc bánh thời gian của mình”* chăm sóc hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.  - Một số ý chính:  + Nguyễn Hữu Ân đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.  + Thế hệ trẻ ngày nay có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.  + Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm đáng phê phán.  + Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.  - Dẫn chứng minh hoạ cho lí lẽ:  + Dẫn chứng trong văn bản “*Chuyện cổ tích mang tên Nguyễn Hữu Ân”.*  + Dẫn chứng khác trong thực tế đời sống:  • những thanh niên làm việc tốt trong xã hội để biểu dương  • những thanh niên lãng phí thời gian vào những trò chơi vô bổ mà các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu để phê phán.  - Các thao tác lập luận chủ yếu  + Yêu cầu HS trả lời những câu hỏi SGK: phân tích, chứng minh, bác bỏ, bình luận.  **2. Lập dàn ý:**  - Mở bài:  + Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân.  + Dẫn đề văn, nêu vấn đề nghị luận: “*Chia chiếc bánh của mình cho ai?”.*  - Thân bài: Lần lượt triển khai 4 ý chính như ở phần tìm hiểu đề.  - Kết bài: Đánh giá chung và nêu cảm nghĩ của người viết.  **3. Những điểm cần ghi nhớ:**  - Nghị luận về một hiện tượng đời sống không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn có tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo lí, cách sống đúng đắn, tích cực đối với thanh niên, học sinh.  - Cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.(sgk) |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV hướng dẫn, gợi ý cho HS giải bài tập.   * *- Lãnh tụ NAQ bàn về hiện tương gì trong đời sống?* * *- Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào? Nêu d.chứng và pt tác dụng của chúng?* * *- Nghệ thuật diễn đạt của văn bản?* * *- Rút ra bài học gì cho bản thân?*   Yêu cầu HS đọc lại văn bản trích của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vận dụng các tri thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập  **GV nhận xét và chốt kiến thức** | **HS thực hiện nhiệm vụ .**  **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **đúng.** | 1. Bài tập 1:  a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng nhiều thanh niên, sinh viên Việt Nam du học nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi trở về góp phần xây dựng đất nước.  Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu của thế kỉ XX.  b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:  + Phân tích: Thanh niên du học mãi chơi bời, thanh niên trong nước “*không làm gì cả*”, họ sống “*già cỗi*”, thiếu tổ chức, rất nguy hại cho tương lai đất nước...  + So sánh: nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.  + Bác bỏ: “*Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả”.*  c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:  - Dùng từ, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể,  - Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán.  d. Rút ra bài học cho bản thân: Xác định lí tưởng, cách sống; mục đích, thái độ học tập đúng đắn.  2. Bài tập 2: HS tự làm ở nhà |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay.  GV nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | |  |  | | --- | --- | |  | **a. Giải thích:**  - Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người.  - Biểu hiện của lối sống thực dụng: sống buông thả, thờ ơ, hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước, coi trọng tiền bạc, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Ví dụ: hiện tượng chọn nghề theo thị hiếu xã hội mà không theo sở thích, khả năng của bản thân; bạo lực trong học đường…  **b. Phân tích, chứng minh tác hại, nguyên nhân của hiện tượng:**  - Tác hại của lối sống thực dụng: Lối sống thực dụng sẽ làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt.  - Nguyên nhân của lối sống thực dụng: do ý thức của bản thân; do môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kĩ năng sống; do gia đình thiếu sát sao, quan tâm; do xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,...  **c. Biện pháp khắc phục:**  -Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu. Nhất là tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian, loại bỏ lối sống ích kỉ, vượt qua cám dỗ đời thường.  - Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn tới giáo dục, tạo động lực phấn đấu và thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích. | |

**Hoạt động 5: Tìm tòi,mở rộng**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ:  1. Viết một bài văn ngắn giới thiệu một tấm gương học giỏi- sống tốt ở trường em.  2. Làm một video clip ngắn ( khoảng 10 phút) về đề tài Tuổi trẻ học đường với an toàn giao thông  **GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | 1. Xác định đây là bài nghị luận về một hiện tượng đời sống tốt. Dựa vào cấu trúc để làm bài. Chú ý tìm tấm gương có thực trong lớp, trường đang học.   Chú ý phải có lời bình đúng chủ đề về ATGT dành cho tuổi trẻ**.** |

**IV.Tổng kết và hướng dẫn học bài (2ph)**

1. **Tổng kết:** Ghi nhớ sgk
2. **Hướng dẫn học bài:**

Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

Chuẩn bị bài mới: *Phong cách ngôn ngữ khoa học.*

***V. Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 9,10**  **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

I.**MỤC TIÊU BÀI HỌC: Giúp hs:**

**1.KT**: Khái niệm ngôn ngữ khoa học: ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiép về những vấn đề khoa học.

-Ba loại văn bản khoa học, ba đăc trưng của PCNNKH: trừu tượng, khái quát; tính lý trí, logich; tính khách quan, phi cá thể.

-Đặc điểm chủ yếu về các phương diện ngôn ngữ.

**2.KN**: lĩnh hội và phân tích, xây dựng văn bản, phát hiện và chữa lỗi trong văn bản khoa học.

- Giao tiếp, tư duy sáng tạo.

**3.Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản khoa học

b/ Hình thành tính cách: tự tin , năng động, sáng tạo khi lĩnh hội và tạo lập văn bản khoa học;

c/Hình thành nhân cách: có ý thức nghiên cứu khoa học gắn liền với cuộc sống.

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học ;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học

***II. Chuẩn bị***

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**III. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **GV giao nhiệm vụ**  *Giải thích và sắp xếp các từ sau thuộc môn học nào trong chương trình phổ thông?*  a.Badơ:  b.Ẩn dụ:  c.Phân số thập phân:  d.Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.  **GV nhận xét và dẫn vào *bài****: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy phong cách ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.* | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  a.Badơ: hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít. (Dùng trong văn bản khoa học hoá học).  c.Phân số thập phân: phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10. (Dùng trong văn bản khoa học toán học). | - Có thái độ tích  cực, hứng thú.  - Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức 65( ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học  GV chuyển giao nhiệm vụ  Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.  *- Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?*  *- Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?*  *- Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?*  *- Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?*  GV nhận xét, chốt kiến thức  Nhiệm vụ 2 :Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc trưng của NNKH  GV chuyển giao nhiệm vụ( Học sinh trao đổi nhóm )  Nhóm 1: *Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  Nhóm 2: *Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  Nhóm 3,4*: Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  GV nhận xét, chốt kiến thức  Nhiệm vụ 3: Hướng dẫn HS luyện tập  \* GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài tập 1,2 thực hiện theo yêu cầu SGK ( theo nhóm)  - Theo dõi, nhận xét , chỉnh sử hoàn thiện nội dung  \*GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 (Ở nhà)  -Đoạn văn đã dùng các thuật ngữ khoa học nào ?  - Lập luận của đoạn văn như thế nào ? Diễn dịch hay quy nạp ? | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm việc cá nhân ,trả lời.  - HS thực hiện, trả lời theo đúng khái niệm ngôn ngữ khoa học đã nêu trong SGK  Học sinh trao đổi nhóm, đại diện trả lời, lớp nhận xét, đối chiếu với phần trình bày ở bảng phụ của GV hoàn thiện kiến thức.  - HS thảo luận nhóm lớn , đại diện trả lời  - Nghe nhận xét của Gv và ghi nội dung vào vở.  - Lưu ý những hạn chế của bản thân khi trình bày một văn bản KH để có hướng khắc phục  - Ghi chép nội dung SGK  -HS trao đổi nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện trình bày  . | I.Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học :  1/Văn bản khoa học: Gồm 3 loại:  - Các văn bản khoa học chuyên sâu : mang tính chuyên ngành khoa học cao và sâu, dùng để giao tiếp giữa những người làm công tác nghiên cứu trong các ngành khoa học  - Các văn bản khoa học giáo khoa : Đảm bảo yêu cầu khoa học và tính sư phạm: Trình bày vấn đề từ thấp đến cao, từ dễ đến khó...dùng trong nhà trường  - Các văn bản khoa học phổ cập: Cáchviết dễ hiểu nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học  2/ Ngôn ngữ khoa học :  Là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học.( KH tự nhiên, KH xã hội )  + Dạng viết : sử dụng từ ngữ khoa học và các kí hiệu, công thức, sơ đồ…  + Dạng nói : yêu cầu cao về phát âm, diễn đạt trên cơ sở một đề cương  => Yêu cầu cơ bản : Tính chuẩn xác  II. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học :  1. Tính khái quát, trừu tượng : biểu hiện không chỉ ở nội dung mà còn ở các phương tiện ngôn ngữ (*thuật ngữ khoa học và kết cấu của văn bản.)*  2. Tính lí trí, lôgic : thể hiện ở trong nội dung và ở tất cả các phương tiện ngôn ngữ( *từ ngữ, câu văn, đoạn văn, văn bản.)*  3. Tính khách quan, phi cá thể : Hạn chế sử dụng những biểu đạt có tính chất cá nhân, ít biểu lộ sắc thái cảm xúc.  III. Luyện tập :  1. Bài tập 1 :  - Những kiến thức khoa học *Lịch sử văn học*  - Thuộc văn bản khoa học giáo khoa  - *Chủ đề, hình ảnh, tác phẩm, phản ánh hiện thực, đại chúng hoá, chất suy tưởng, nguồn cảm hứng sáng tạo.*  2. Bài tập 2 :  - Đoạn thẳng : đoạn không cong queo, gãy khúc, không lệch về một bên / đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau.  3. Bài tập 3 – 4:  + Bài tập 3: Đoạn văn dùng nhiều thuật ngữ KH: Khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, công cụ đá...  + Bài tập 4: Chú ý các đặc điểm của PCNNKH phổ cập khi viết đoạn văn |

**Hoạt động 3: Vận dụng 10 ph**

Phương pháp, kĩ thuật: Đặt câu hỏi, thảo luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ:  GV giao nhiệm vụ:Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:  *Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,:., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.*  1.   Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy?  2.   Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?  3.   Anh (chị) hiểu thế nào là kho tàng văn học dân tộc?  4.   Đặt nhan đề cho đoạn văn trên GV nhận xét, chốt kiến thức | HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | 1.  Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.  2.  Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.  3.  Kho tàng văn học dân tộc là tất cả các tác phẩm văn học thuộc mọi thể loại (kể cả văn học dân gian và văn học viết) có mặt trong nền văn học của nước ta từ xưa đến nay.  4.  Có thể đặt nhan đề cho đoạn văn là: vấn đề thể loại của nền văn học Việt Nam, hoặc Đặc điểm thể loại của nền văn học Việt Nam. |

**Hoạt động 4: Tìm tòi,mở rộng 5ph**

Phương pháp, kĩ thuật: Nêu vấn đề

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**   1. Viết một văn bản khoa học phổ cập với nội dung PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐIỆN 2. Thuyết trình bằng .ppt ( có đầy đủ hình ảnh, âm thanh, video clip…) về đề tài MẠNG XÃ HỘI.   **GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** | 1. Cần tích hợp kiến thức Vật lí để trình bày đúng nội dung:   - Điện là gì?  - Nguyên nhân tai nạn điện.  - Hậu quả?  -Cách phòng tránh.  2. Dùng các thuật ngữ khoa học về mạng xã hội để diễn đạt.  Năng lực sáng tạo |

**IV.Tổng kết và hướng dẫn học bài (2ph)**

1. **Tổng kết:** Ghi nhớ sgk
2. **Hướng dẫn học bài:**

Khái niệm về văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học?

- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học ?

-Đọc kỹ bài . Vận dụng tính lý trí, lôgic vào việc lâp dàn ý một bài làm văn

***V. Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. ………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 11 ,12** **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ,ĐOẠN THƠ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm thơ.

**2. Năng lực**

a. ***Năng lực chung***: Năng lực tự học, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, Năng lực thẩm mỹ, Năng lực thể chất, Năng lực giao tiếp, Năng lực hợp tác, Năng lực tính toán, Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)

b.***Năng lực riêng***:

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất**

*-*Nâng cao ý thức trau dồi kĩ năng làm văn nghị luận nói chung và nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ nói riêng.

-Ý thức tự đọc văn bản, tiến hành luyện tập tích cực.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**

1/*Thầy*

-Giáo án ,Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III.Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động khởi động 5 phút)**

**- Phương pháp**: nêu vấn đề..

- **Kĩ thuật** kĩ thuật động não…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung ,yêu cầu cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:  Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ? a. Suy nghĩ về câu tục ngữ :"Lá lành đùm lá rách" b. Lòng nhân ái c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)   1. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.   **Giáo viên giới thiệu *Vào bài****:* Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ . Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: c**  : | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65phút)**

**- Phương pháp :** PP nêu vấn đề, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống

**- Kĩ thuật dạy học :** Chia nhóm ( nhóm ngẫu nhiên, nhóm hỗ trợ…), trình bày 1 phút, đặt câu hỏi, kĩ thuật động não…

**\* Nhiệm vụ 1:** TÌM HIỂU NGỮ LIỆU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung ,yêu cầu cần đạt** |
| Hướng dẫn tìm hiểu và lập dàn ý cho 2 đề bài trong SGK  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1,3:**  **-Học sinh đọc đề bài 1 trong SGK. Thảo luận nhóm ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện nhóm trả lời.**  Gợi ý:  *- Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?*  *- Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?*  *- Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?*  *- Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?*  *- Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?*  *- Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?*  *- Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?*  *- Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?*  *- Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?*  *- Nêu nhận đinh chung về giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ?*  *- Khẳng định lại những giá trị bài thơ?*  **Nhóm 2,4:**  Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2  Gợi ý:  *- Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?*    *- Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?*  *- Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?*  *- Khí thế hiện lên như thế nào?*  *- Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?*  *- Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?*  *- Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?*  *- Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?*  *- Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?*    *- Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?* | ***Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.***  **Nhóm 1,3:**  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  + Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.  + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.  + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)  - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:  + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như­ tiếng hát xa”*  🡪 tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin  + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  🡪 Điệp từ *lồng*: tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng  => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng 🡪 tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:  + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.  🡪 tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.  + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần  🡪 Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng  - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*.  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm  + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại  \* Kết bài:  - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ  - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác  **Nhóm 2,4:**  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.  - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:  + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường  + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)*  + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước  + Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát  + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)...  + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...  + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng  *c. Kết bài:*  Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động. | ***1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý****:* Đề 1: sgk  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc    - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển:  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình:  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng:  + Nghệ thuật:  \* Kết bài:  ***2.Tìm hiểu đề và lập dàn ý****:*  *Đề 2 – SGK:*  Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề:  - Yêu cầu về nội dung:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  *c. Kết bài:* |

**\* Nhiệm vụ 2:** TÌM HIỂU PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung ,yêu cầu cần đạt |
| **-Dựa vào bài tập đã làm, rút ra các bước làm bài: 4 bước.**  Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ  *- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*  *- Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?*  *- Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?* | ***\* HS trả lời cá nhân***  - Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.  - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ. | ***2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ****:*  - Đặc điểm :  - Đối tượng:  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ |

**Hoạt động 3 : Luyện tập (15phút)**

**- Phương pháp**: nêu vấn đề..

- **Kĩ thuật** đặt câu hỏi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung ,yêu cầu cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  Hướng dẫn luyện tập  - GV: Chia lớp làm 4 nhóm.  **- Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.**  **- Đại diện các nhóm lần lượt trả lời**.  - GV: Chốt lại các ý đúng.  \* Mở bài:  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ  - Nhận xét chung về khổ thơ  - Dẫn văn bản khổ thơ  \* Thân bài:  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối  - Phân tích hai câu thơ đầu  - Phân tích hai câu thơ cuối  - Một vài nét về nghệ thuật  + Thôi Hiệu:  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai* (Hoàng Hạc Lâu)  + Huy Cận:  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà* | ***Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.*** | **II. Luyện tập**  *1. Mở bài:*  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  - Nhận xét chung về khổ thơ:  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  *2. Thân bài:*  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:  + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng  + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: .  Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang* sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật* )  - Phân tích hai câu thơ đầu: Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  - Phân tích hai câu thơ cuối:  + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. Ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  - Một vài nét về nghệ thuật:  + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  o Các hình ảnh: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  o Nét riêng: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)  + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  *3. Kết bài:*  Tổng hợp chung:  - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam  - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng (….phút)**

-**Phương pháp**: hoạt động nhóm

**- Kĩ thuật**: viết sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  Phân tích bài thơ “Tự tình” (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. | - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | **Tìm hiểu đề**   1. **Dạng đề :** Phân tích một bài thơ. 2. **Yêu cầu của đề:**  * Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ. * Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như:   chứng minh, bình luận, so sánh…   * Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích. * **Lập dàn ý**   **I. Mở bài :** Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ “Tự tình” (II). Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ.   * 1. **Thân bài :**  1. **Khái quát :** Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ. 2. **Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ :** Các ý chính cần phân tích   **a. Hai câu đề :**  \* Phân tích:   * Câu 1: Khắc họa thời gian nghệ thuật : “đêm khuya”; từ láy “văng vẳng”; nghệ thuật lấy động tả tĩnh. * Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ “trơ”; kết hợp từ độc đáo “cái hồng nhan”; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn (“cái hồng nhan” đối với “nước non”).   \* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.  **b. Hai câu thực :**  \* Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ “say lại tỉnh”; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ).  \* Làm rõ : Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.  **c. Hai câu luận:**  \* Phân tích : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh (“xiên ngang”, “đâm toạc”); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  \* Làm rõ : cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.  **d. Hai câu kết:**  \* Phân tích : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến.  \* Làm rõ : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.  **e. Nghệ thuật cả bài thơ** : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.  **III.** **Kết bài:**  Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý nghĩa bài thơ. |

**\* Hoạt động 5: Tìm tòi mở rộng (….phút)**

-**Phương pháp** hoạt động nhóm,

- **Kĩ thuật** : phiếu học tập, sơ đồ tư duy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung ,yêu cầu cần đạt |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1. Phân tích đề, lập dàn ý cho đề bài: Vẻ đẹp bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu.  2. Tóm tắt cấu trúc dàn ý nghị luận bề một bài thơ, đoạn thơ. | -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1. Biết cách tìm hiểu đề và lập dàn ý. Trọng tâm là vẻ đẹp nội dung và vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ; 2. Cấu trúc 3 phần |

**IV.Hướng dẫn học bài (2ph)**

Hãy trình bày các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

-Hãy cho biết đối tượng và nội dung của một bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ? Chuẩn bị bài: *TÂY TIẾN*

***V. Rút kinh nghiệm:***

**Tiết 13,14,15** **TÂY TIẾN**

**Quang Dũng**

**I/ Mục tiêu bài học**: Giúp HS

**1.KT**: - Bức tranh thiên nhiên hùng vỹ, dữ dội nhưng mỹ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.

* Bút pháp lãng mạn đặc sắc, ngôn ngữ giàu tính tạo hình.

**2.KN**: - Đọc hiểu bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

-Rèn kỹ năng cảm thụ thơ.

- Giao tiếp: trình bày trao đổi về mạch cảm xúc, giai điệu, hình tượng người lính.

- Tư duy sáng tạo: phân tích, so sánh, bình về vẻ đẹp về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, về hình tượng người lính so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

-Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học bản thân.

3. **Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ người lính; ý thức trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

.**II. Chuẩn bị của GV và HS**

1/*Thầy*

-Giáo án ,Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III.Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động khởi động 5 phút)**

**- Phương pháp**: nêu vấn đề..

- **Kĩ thuật** kĩ thuật động não…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc bài thơ Đồng chí- Chính Hữu và một số câu thơ về Quang Dũng  **Giáo viên giới thiệu *Vào bài***Thơ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 đã để lại thành tựu xuất sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là đề tài người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (75phút)**

**- Phương pháp :** PP nêu vấn đề, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống

**- Kĩ thuật dạy học :** Chia nhóm ( nhóm ngẫu nhiên, nhóm hỗ trợ…), trình bày 1 phút, đặt câu hỏi, kĩ thuật động não…

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu phần Tiểu dẫn**  -Vấn đáp  - Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những net khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến?  - Theo dõi HS trả lời, hướng dẫn ghi chép ngắn gọn theo SGK  - Thuyết giảng thêm về số phận bài thơ  **Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu bài thơ**  - Gọi HS đọc điễn cảm bài thơ- chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn.  **- Đọc đoạn 1 của bài thơ và nêu câu hỏi:** Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu?  - Cho HS trao đổi nhóm  **Nhóm 1,2: Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ hiểm trở**  - Theo dõi HS trả lời, định hướng tiếp cận và khắc sâu kiến thức  - Gợi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ  - Diễn giảng bình thêm giá trị biểu đạt của một vài chi tiết thơ giúp HS cảm thụ sâu  Hình ảnh đoàn quân  hiện lên như thê nào?  Nhóm 3,4: cảnh thơ mộng trữ tình  ***Đoạn thơ thứ 2 mở ra một thế giới thiên nhiên và con người khác với đoạn 1. Hãy phân tích làm rõ?***  -. GV theo dõi, gợi mở, định hướng giúp các em cảm thụ được giá trị đoạn thơ.  - Diễn giảng thêm giúp HS cảm thụ đoạn thơ  **Nhiệm vụ 3:Hướng dẫn Hs đọc hiểu đoạn 3: GV đọc đoạn thơ**  - Nêu vấn đề cho HS thảo luận : ( Câu hỏi 4 SGK ).  - Gọi đại diện 2 nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi góp ý nhận xét  **Nhiệm vụ 4: hd hs tổng kết rút ra nét chính về nghệ thuật và ý nghã văn bản** | HS theo dõi SGK, làm việc cá nhân trả lời.  ( Tác giả: Con người, cuộc đời, sáng tác...  Tác phẩm: Hoàn cảnh ra đời:  - Về đơn vị Tây Tiến...  - Về hoàn cảnh, thời điểm sáng tác...  - Về vị trí, xuất xứ...)  1-2 HS đọc diễn cảm.  - Lớp lắng nghe và định hướng trả lời câu hỏi1  - 1-2 HS trả lời, lớp theo dõi, góp ý thêm.  - Theo dõi định hướng của GV, ghi chép nội dung vào vở  HS thảo luận nhóm, và đại diện nhóm trả lời  - Lớp theo dõi ,nhận xét, bổ sung  - Vận dung bài học về kĩ năng nghị luận về một bài thơ để khai thác giá trị đoạn thơ  -Hs thảo luận nhóm, , đại diện trả lời.  - Lớp theo dõi, đàm thoại  -  Cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diên trả lời  -  HS theo dõi đoạn thơ;  “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc  ... Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”  - Thảo luận nhóm và trình bày kết quả  - HS làm theo hướng dẫn  HS làm việc cá nhân , trả lời | I/ Tìm hiểu chung:   1. Tác giả : Quang Dũng (1921-1988)   - Con người : Là một nghệ sĩ đa tài “ Cầm, kì, thi, hoạ”, nhưng trước hết là một nhà thơ.  - Phong cách thơ: Hồn hậu, phóng khoáng, hào hoa, lãng mạn.  2.Hoàn cảnh ra đời: SGK  Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách thơ QD, in trong tập thơ “Mây đầu ô”(1986).  3. Bố cục:  + Đoạn 1:  NHớ về khung cảnh thiên nhiên miền Tây và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến  + Đoạn 2: Nhớ những kỉ niệm đẹp (Đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng)  + Đoạn 3: Nhớ về những người đồng đội Tây Tiến.  + Đoạn 4:Lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây.  II/ Đọc hiểu văn bản:  1. Thiên nhiên miền Tây hùng vỹ ,dữ dội nhưng vô cùng mĩ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân gian khổ  \* Hai câu thơ mở đầu:  - Hình ảnh “Sông Mã” như gợi thức nỗi nhớ ùa về trong tâm hồn nhà thơ.  - Điệp từ nhớ , từ láy“Chơi vơi” ,câu cảm.  🡺Nỗi nhớ da diết ,khôn nguôi, bao trùm cả không gian và thời gian.  a. Bức tranh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hiểm trở :  - Địa danh: Nhiều tên đất lạ lẫm, gợi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh  - Địa hình: Nhiều đèo dốc hiểm trở  Dốc khúc khuỷu, dốc thăm thẳm  Heo hút , súng ngửi trời  Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi...”  => Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm, những câu thơ toàn thanh trắc .., đường hành quân uốn lượn đến heo hút .  súng ngửi thấy mùi trời🡪 không tả núi cao mà thấy núi rất cao , bút pháp gợi tả rất tài hoa .  Đối lập lên > < xuống 🡪 câu thơ như bẻ đôi , gợi hình ảnh của vách đá cheo leo  🡪 Một bức tranh hoành tráng với tất cả sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây  - Nhiều vẻ hoang dại, bí ẩn, khắc nghiêt: Với mưa rừng, “Sương lấp đoàn quân mỏi”, “Thác gầm thét”, “Cọp trêu người.”  b. Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến :  -Là những chiến sĩ anh hùng bất khuất không quản ngại vượt qua bao chặng đường gian khổ , bao nhiêu hi sinh mất mát lớn lao.  Không nói đến “ chết “, thay vào đó là cách nói ước lệ ,tượng trưng “không bước nữa”’gục”, “bỏ quên đời” dội lên sự mất mát ,hy sinh,nhưng hy sinh trong tư thế chiến đấu: vẫn cầm súng=> Nổi bật chất bi tráng  - Là những chàng trai hào hoa lãng mạn tinh nghịch với bao hăm hở khám phả, chinh phục  C. Cảnh thơ mộng, trữ tình  - Hình ảnh:  +Mưa xa khơi-> không gian huyền ảo  +Cơm lên khói,thơm nếp xôi” ”-> Gợi không khí đầm ấm tình quân dân tạo cảm giác êm dịu, ấm áp sau những ngày hành quân đầy gian khổ  2. Những kỉ niệm khó quên:  a.Cảnh một đêm liên hoan văn nghệ:  -Không khí sôi nổi, tình tứ  -Đường nét uyển chuyển, man dại  -Âm thanh sắc màu hoà quyện ...  =>Cảnh vật và con người như hoà trong men say, tình tứ, ngây ngất, rạo rực.  b Cảnh sông nước miền Tây: hoang sơ, mênh mang huyền ảo  - Không gian dòng sông trong một buổi chiều sương huyền ảo, thơ mộng vừa hoang dại như một bờ tiền sử-> Gợi sắc màu cổ tích huyền thoại.  - Hồn lau: không khí thiêng liêng như có hồn người.  => Thiên nhiên hoang sơ nhưng vẫn rất gần gũi gợi bao cảm xúc sâu lắng.  3. Chân dung người lính TâyTiến:  - Ngoại hình : Xấu xí, kì dị , khác thường nhưng toát lên vẻ oai phong, dữ dằn , phi thường.  - Tâm hồn: lãng mạn, mơ mộng.  - Lí tưởng: cao đẹp , khát khao được cống hiến, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn.  - Sự hi sinh:  +Từng cặp thơ : chất bi và tráng đan xen vào nhau ,từ Hán Việt-> Gợi âm hưởng cổ kính, trang trọng.  + Từ nói giảm nói tránh-> giảm bớt đau thương, gợi cái chết nhẹ nhàng, bình thảng.  🡪 Bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn, toát lên vẻ đẹp hào hùng và hào hoa , đậm chất bi trángcủa người lính.  III. Tổng kết:  1. Nghệ thuật:  -Cảm hứng và bút pháp lãng mạn  -Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh,từ tượng hình, từ Hán Việt.  -Kết hợp chất nhạc và chất họa  2. Ý nghĩa:Bài thơ khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vỹ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẽ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng luôn đồng hành trong mỗi chúng ta. | |

**\* Hoạt động 3: Vận dụng (….phút)**

-**Phương pháp**: hoạt động nhóm

**- Kĩ thuật**: viết sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  - **GV giao nhiệm vụ:**  *“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,*  *Kìa em xiêm áo tự bao giờ*  *Khèn lên man điệu nàng e ấp*  *Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*  *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*  *Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*  *Có nhớ dáng người trên độc mộc*  *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”.  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả?  2. Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến?  3. Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó. | - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng của tác giả : đó là nỗi nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.  2/ Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến :  a/ Vẻ đẹp thể hiện bản sắc dân tộc, nhất là văn hoá miền núi. Đó là vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc trong trang phục lạ: ***xiêm áo***, vừa e thẹn, vừa tình tứ trong một vũ điệu lạ: ***man******điệu***, nhạc cụ lạ : ***khèn*,**dáng điệu lạ: ***e ấp****.*  b/ Tâm trạng người lính: vừa ngạc nhiên, vừa đắm say trong tiến khèn, điệu múa.Tâm hồn các anh vẫn phơi phới niềm lạc quan yêu đời, đầy ắp niềm vui và mộng mơ, quên đi bao nỗi nhọc nhằn, gian khổ.  3/ Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật đối lập. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : gợi vẻ đẹp hoang sơ, vữa dữ đội, vừa thơ mộng của núi rừng, đồng thời thể hiện bút pháp “*thi trung hữu hoạ*” ( trong thơ có hoạ) của Qung Dũng. |

**\* Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng (….phút)**

-**Phương pháp** hoạt động nhóm,

- **Kĩ thuật** : phiếu học tập, sơ đồ tư duy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung ,yêu cầu cần đạt |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Vẽ bản đồ tư duy bài thơ Tây Tiến.*  *2. Phác hoạ bằng hình ảnh đoàn quân Tây Tiến* | -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | 1. Sử dụng phần mềm Imindmap để vẽ 2. Vẽ hình ảnh |

**IV.Hướng dẫn học bài (2ph)**

Vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến : Hào hùng , hào hoa.

- Cảm hứng lãng mạn và chất bi tráng của bài thơ.

Chuẩn bị bài học sau : ***Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học***

***V. Rút kinh nghiệm:***

**Tiết 16,17NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC**

**I/ Mục tiêu bài học : giúp hs**

**1.KT: -Đối tượng của dạng đề nghị** luận về một ý kiến bàn về văn học.

- Cách triển khai bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

**2.KN**: - Tìm hiểu đề, lập dàn ý.

-Huy động kiến thức và những cảm xúc trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

- Ra quyết định: Xác định được đối tượng nghị luận, những nội dung cần tìm hiểu về một ý kiến bàn về văn học.

- Giao tiếp: trình bày, trao đổi những khía cạnh của ý kiến.

- Tư duy: phân tích,chứng minh, đối chiếu, bình ý kiến bàn về văn học.

**3.TĐ**:Luôn quan tâm những vấn đề thời sự văn học.

**4.Năng lực**

a. ***Năng lực chung***: Năng lực tự học, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, Năng lực thẩm mỹ, Năng lực thể chất, Năng lực giao tiếp, Năng lực hợp tác, Năng lực tính toán, Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)

b.***Năng lực riêng***:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

***II. Chuẩn bị***

*1. Giáo viên:* SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn,.

**III. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 ph)**

* Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận
* Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trình bày 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **GV giao nhiệm vụ** *:*  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách so sánh 2 đề bài sau  1. Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ Tây Tiến ( Quang Dũng)  2. Có ý kiến cho rằng thành công của bài thơ Tây Tiến là thể hiện cảm hứng lãng mạng. Hãy bình luận.  **GV nhận xét và dẫn vào *bài****:* Như vậy, cùng ngữ liệu là bài thơ Tây Tiến nhưng yêu cầu của đề lại khác nhâu nên cách làm bài cũng khác nhau. Với đề 2, chúng ta sẽ tìm hiểu dạng bài nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn học. | HS thực hiện nhiệm vụ  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ. Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng lãng mạn của bài thơ. | - Định hướng vào bài học |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức 30ph)**

-Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận

-Kĩ thuật dạy học: chia nhóm,trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1** :Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề và lập dàn ý.  Thảo luận nhóm  -GV gợi cho hs thảo luận theo từng câu hỏi của SGK đối với đề 1  -GV chia lớp thành 4 nhóm và tiến hành thảo luận nhóm  -GV yêu cầu hs ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -GV gọi một hs bất kỳ của nhóm 1 và 2 trình bày kết quả thảo luận.  -GV gọi hs khác nhận xét bổ sung.  -GV theo dõi kết quả trình bày của hai nhóm và chỉnh sửa phần tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với cả hai đề, chốt lại phần kiến thức đề, học sinh ghi bài  **Nhiệm vụ 2**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu lí thuyết bài học :  Vấn đáp  +Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?  +Cách làm kiểu bài này như thế nào?  +Giáo viên bổ sung lại toàn bộ kiến thức bài học | -Hs đọc hai đề bài theo yêu cầu của GV.  -Hs theo dõi phần khơi gợi câu hỏi của GV, suy nghĩ và chuẩn bị trả lời  -Hs tập trung về 4 nhóm theo 4 tổ thảo luận theo hai bước:  +Tìm hiểu đề  +Lập dàn ý  -Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận lên bảng phụ.  -Đại diện nhóm 1, 2 lện trình bày kết quả thảo luận đề 1 và đề 2 lần lượt.  -Hs tập trung theo dõi phần trình bày của hai đại diện nhóm và nhận xét bổ sung  -Hs chú ý phần chỉnh sửa, bổ sung kiến thức của GV và ghi bài (phần tìm hiểu đề và lập dàn ý)  -Học sinh trả lời  -Ghi bài vào vở  Hs làm việc cá nhân  trả lời  học sinh ghi bài | I. **Tìm hiểu đề :**Đề 1: sgk  **a:Thể loại**: nghị luận ( bao hàm giải thích, chứng minh, bình luận) vể một ý kiến vể văn học.  **b:Nội dung**:  -Tìm hiểu nghĩa của các từ khó:  + Phong phú, đa dạng: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau  + chủ lưu: dòng chính (bộ phận chính) khác với phụ lưu, chi lưu  + Quán thông kim cổ: thông suốt từ xưa đến nay.  -Tìm hiểu ý nghĩa của các vế câu và cả câu:Văn học VN rất đa dạng, phong phú.  Văn học yêu nước là chủ lưu  **c: Phạm vi tư liệu:**  Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ.  **II Lập dàn ý:**  a **Mở bài**: Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai  b **Thân bài**:  -Giải thích ý nghĩa của câu nói:  -Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:  + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng  + Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam:  + Nguyên nhân:  +Nêu và phân tích một số dẫn chứng: Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn độc lập …  c Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.  **III.Bài học**:  1.Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học…  2.Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:  + Giải thích  + Chứng minh  + Bình luận |

**Hoạt động 3 : Luyện tập (….phút)**

**- Phương pháp**: nêu vấn đề..

- **Kĩ thuật** đặt câu hỏi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| Hướng dẫn luyện tập  *Đề bài: Trình bày những suy nghĩ của anh chị đối với ý kiến của nhà văn Thạch Lam: " Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo vàthay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn"*  -Giáo viên cho học sinh thảo luận theo nhóm (4 nhóm- 2nhóm t.luận phần tìm hiểu đề, 2 nhóm t.luận phần lạp dàn ý). | ***\* HS trả lời cá nhân***  *1. Tìm hiểu đề:*  a. Thể loại: Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học.  b.Nội dung:  +Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác  +Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học  c.Phạm vi tư liệu:  -Tác phẩm Thạch Lam  -Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.  *2. Lập dàn ý:*  a. Mở bài:  - Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  b.Thân bài:  - Giải thích về ý nghĩa câu nói: Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.  - Bình luận và chứng minh ý kiến:  + Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:   * Trứơc CM Tháng Tám: quan điểm tiến bộ. * Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị.   + Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:   * Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. * Tác dụng giáo dục con người.của văn học   c: Kết bài:  - Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam.  - Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc:  +Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học.  +Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ.  HS chọn một luận điểm, viết thành đoạn văn. GV chọn một vài đoạn sửa chữa, đọc phân tích cho cả lớp rút kinh nghiệm. | **III. Luyện tập: Bài tập 1/93:**  *1. Tìm hiểu đề:*  a. Thể loại:  b.Nội dung:  c.Phạm vi tư liệu:  *2. Lập dàn ý:*  a. Mở bài:  - Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  b.Thân bài:  - Giải thích về ý nghĩa câu nói:  - Bình luận và chứng minh ý kiến:  c: Kết bài: |

**Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng (….phút)**

-**Phương pháp** hoạt động nhóm,

- **Kĩ thuật** : phiếu học tập…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ  Viết một đoạn văn giải thích câu nói sau của Gorki : “Văn học là nhân học” | HS thực hiệnnhiệm vụ  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ | “Văn học là nhân học” là bộ môn  khoa học về con người, góp phần xây dựng tâm hồn, tính cách, nhân cách của con người.Văn học phản ánh đời sống muôn màu. Văn học thể hiện sự rung cảm, đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của con người với con người bởi giá trị của Chân - Thiện- Mỹ. Vì vậy, văn học không chỉ dừng lại ở giá trị văn chương mà còn góp phần xây đắp tình yêu thương giữa con người với con người trong xã hội. |

**IV.Hướng dẫn học bài (2ph)**

:Giáo viên chốt lại một lần nữa kiến thức bài học (đối tượng và cách làm bài)

Chuẩn bị bài mới: ***Việt Bắc*** (Tố Hữu)

***V. Rút kinh nghiệm:***